

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2022/HSST**

Ngày: 13.7.2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Văn Cần**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: **Dương Minh Ngọc**.

Bà: **Nguyễn Thị Kim Cúc**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Kiều Hoanh** – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà  
**Lê Thị Phụng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Núi  
Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số:  
19/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số: 16/2022/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Chung Tấn B**; sinh ngày 25 tháng 6 năm 1966 tại: N, Quảng  
Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện  
Ntỉnh Quảng Nam; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:  
Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông Chung T và  
bà Trần Thị Y, vợ bị cáo tên Bùi Thị T1, bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm:  
1989, con nhỏ sinh năm: 1993

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Núi Thành từ ngày  
12/7/2021 đến ngày 17/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi  
nơi cư trú”. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Ngọc Q**, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1968 tại: N, Quảng Nam.  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh  
Quảng Nam. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:  
Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông Lê Ngọc Qu và

bà Trần Thị Quí (đã chết). Bị cáo có vợ tên Dương Thị H và có 05 con, con lớn nhất sinh năm: 1987, con nhỏ nhất sinh năm: 1994

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Núi Thành từ ngày 12/7/2021 đến ngày 17/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- **Bị hại:** Ông Châu Ngọc V, sinh năm; 1982; trú tại: Khố phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông: Phan Thanh V, sinh năm: 1987; trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà: Nguyễn Thị D, sinh năm: 1987; trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà: Lê Thị Kim Th, sinh năm: 1991; trú tại: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 18 giờ ngày 27/6/2021, Lê Ngọc Q và Chung Tấn B cùng uống rượu tại nhà B thuộc thôn T, T, N, Quảng Nam. Quá trình nhậu, B rủ Q đi trộm sắt của ông Châu Ngọc V tại bãi đất trống gần nhà B để bán lấy tiền tiêu xài. Q đồng ý. B đi tới nơi để sắt còn Q về nhà lấy xe mô tô BKS: 92K1-4108 kéo theo xe Cộ tới rồi cả hai cùng nhau cho sắt lên xe. Sau khi bốc lên xe được 5 thanh sắt (loại thanh sắt là hình xoắn và hình trụ), Q chở tới bán cho Nguyễn Thị D, còn B về lại nhà chờ Q (nhà B gần nơi trộm sắt). Sau khi cân xong số sắt của xe thứ nhất, D cho bốc lên xe tải BKS: 92C-174.79 còn Q tiếp tục quay chở lại chỗ bãi sắt cùng B bốc xe sắt thứ hai đi bán cho D. Cứ như vậy, B và Q đã bốc được tất cả 04 xe chở sắt tới bán cho D. 03 xe đầu mình Q chở, đến xe thứ tư thì B và Q cùng đi.

Sau khi mua của Q và B đến trưa ngày 28/6/2021, D đã chở số sắt trên cùng một số sắt phế liệu thu mua được đến bán lại cho Công ty sắt thép Chu Lai tại thôn Long Bình, Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam. Số sắt đã được đưa vào xử lý tái chế nên không thu giữ được.

Quá trình mua sắt của Q và B, do chỉ có hai loại thanh sắt là hình xoắn và hình trụ kích thước tương tự nhau nên D chỉ cân khối lượng mỗi loại một lần sau đó nhân với số lượng để tính tiền. D không nhớ chính xác số sắt đã mua của Q và B là bao nhiêu thanh, tuy nhiên căn cứ vào sổ ghi chép việc thu mua hàng ngày của D xác định tổng khối lượng sắt mà D đã mua của Q và B vào tối ngày 27/6/2021 là

1.448kg. D mua số sắt trên với giá 8.700 đồng/kg và thanh toán cho B và Q số tiền 12.600.000 đồng. B, Q chia đôi số tiền rồi về nhà.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 53/2021-KLĐG ngày 16/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận: 1.448 kg sắt đã qua sử dụng có hình xoắn, hình trụ giá trị là 12.597.600 đồng

Tại bản cáo trạng số: 75/CT-VKS-NT ngày 01/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Chung Tấn B, bị cáo Lê Ngọc Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Chung Tấn B, Lê Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, các Điều 54, 38 và 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Chung Tấn B từ 09 đến 12 tháng tù;

Xử phạt đối với bị cáo Lê Ngọc Q từ 06 đến 09 tháng tù.

Về vật chứng và các vấn đề có liên quan trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường; đồng thời có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình là có tổ chức, bị cáo B không thừa nhận mình là người khởi xướng, rủ bị cáo Q đi trộm cắp tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Theo đó, vào khoảng 20 giờ ngày 27/6/2021, bị cáo Q bà bị cáo B đã có hành vi cùng nhau lén lút trộm cắp 1.448kg sắt có hình xoắn và hình trụ của ông Châu Ngọc V để tại bãi đất trống gần nhà bị cáo B thuộc thôn Thanh Long, xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, bán cho Nguyễn Thị

D lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo B và bị cáo Q đã chiếm đoạt là 12.597.600đ.

Các bị cáo không đồng ý việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Q Nam truy tố hành vi phạm tội của mình là có tổ chức. Tuy nhiên, sau khi thống nhất việc trộm cắp tài sản và trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội thể hiện giữa hai bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, thống nhất về ý chí, tự ý thức nhiệm vụ của từng bị cáo và cùng nhau thực hiện hành vi cho sắt lên xe, chở đi bán liên tục 04 xe (chuyến) trong một đêm. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Chung Tấn B và Lê Ngọc Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “*Có tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

*[3] Xét tính chất vụ án thì thấy:* Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, pháp nhân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị nghiêm trị. Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức được việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật cho hậu quả mà hành vi của mình đã gây ra.

*[5] Xét nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:*

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả (giá trị tài sản bị thiệt hại là 12.597.600đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 92.000.000đồng); bị hại có đơn yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận tổng khối lượng sắt trộm cắp là 1.448kg; tuy nhiên các bị cáo không nhớ rõ mỗi xe các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp có khối lượng và giá trị tài sản bao nhiêu; Mặc khác, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện cũng không có cơ sở định khối lượng sắt và giá trị mỗi xe (chuyến) các bị cáo trộm cắp là bao nhiêu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để truy cứu, áp dụng đối với các bị cáo tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự.

*[6] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:* Tại phiên tòa, bị cáo Chung Tấn B không thừa nhận mình là người khởi xướng, rủ bị cáo Q trộm cắp. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định trong quá trình uống rượu tại nhà mình vào tối ngày 27/6/2021, bị cáo B đã có hành vi gợi ý và rủ bị cáo Q trộm cắp sắt của ông V nên bị cáo B có vai trò là người khởi xướng, cầm đầu trong việc

thực hiện hành vi phạm tội ngày 27/6/2021 vì thế bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo Q.

*[7] Về hình phạt:*

Các bị cáo Chung Tấn B, Lê Ngọc Q có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật tố tụng hình; có nhân thân tốt nên cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo B là người chủ mưu, cầm đầu, bị cáo Q có vai trò là người thực hành tích cực, cùng bị cáo B khiêng, bỏ sắt lên xe, chở đi bán 04 chuyên. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm nên việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian là cần thiết nhằm đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

*[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về loại và mức hình phạt đối với các bị cáo cùng những vấn đề có liên quan trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

*[9] Về trách nhiệm dân sự:* Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

*[10] Về vật chứng:*

Số tiền 11.000.000 đồng tại tài khoản tạm gửi số 3949.0.9042536.00000 của công an huyện Núi Thành mở tại Kho bạc nhà nước huyện Núi Thành do các bị cáo giao nộp (B 5.000.000đ, Q 6.000.000đ) là tiền các bị cáo bán số sắt trộm cắp, tuy nhiên các bị cáo đã bồi thường xong phần thiệt hại cho người bị hại nên cần trả lại cho các bị cáo theo quy định.

Đối với 01 xe Cộ (loại xe có hai bánh, gắn vào xe mô tô) bằng kim loại là vật dugnj được các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, xét còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu sung công quỹ là phù hợp với quy định của pháp luật

Đối với xe mô tô BKS: 92K1-4108 không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành tiếp tục xác minh, làm rõ để đảm bảo theo quy định của pháp luật

[11] Các ông, bà Nguyễn Thị D, Phan Thanh V và Lê Thị Kim Thảo là những người thu mua số sắt do bị cáo B, bị cáo Q trộm cắp. Tuy nhiên, quá trình thu mua những người này không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và Cơ quan điều tra không đề nghị xem xét trách nhiệm của họ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

*[12] Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lý trên,**

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Chung Tấn B** và **Lê Ngọc Q** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Chung Tấn B** 09 (Chín) tháng tù, được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ (12/7/2021 đến ngày 17/7/2021), còn lại bị cáo B phải chấp hành 08 (Tám) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc Q** 06 (Sáu) tháng tù, được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ (12/7/2021 đến ngày 17/7/2021), còn lại bị cáo Q phải chấp hành 05 (Năm) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ 01 xe Cộ (loại xe có hai bánh, gắn vào xe mô tô để kéo chở hàng) bằng kim loại.

Trả lại cho bị cáo B 5.000.000đ (Năm triệu) đồng; bị cáo Q 6.000.000đ (Sáu triệu) đồng trong số 11.000.000đ (Mười một triệu) đồng

(Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành theo quyết định chuyển vật chứng số 75/QĐ—VKS, ngày 02/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam).

Giao cho cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành tiếp tục xác minh, làm rõ chủ sở hữu xe mô tô BKS: 92K1-4108

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Chung Tấn B phải chịu là 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Lê Ngọc Q phải chịu là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- CA huyện Núi Thành;
- VKSND huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ VA,AV.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Cao Văn Cần**